

Hải phòng, ngày 8 tháng 4 năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v: Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty cổ phần Habeco Hải Phòng**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội khóa XIV nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ vào Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần HABECO- Hải Phòng;

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần HABECO - Hải Phòng kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận một số Hợp đồng giữa Công ty với người có liên quan như sau:

1. Hợp đồng mua bán với Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội:

Hiện tại, Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội (*sau đây được gọi là Tổng Công ty*) đang nắm giữ 66,69% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty:

+ Kể từ ngày thành lập và đi vào hoạt động, hàng năm Công ty đều có thực hiện việc ký các hợp đồng mua bán và các Phụ lục kèm theo để gia công các sản phẩm Bia Hà Nội cho Tổng Công ty.

+ Từ năm 2026 đến hết năm 2027, Công ty sẽ thực hiện Hỗ trợ vận chuyển đối với các các sản phẩm của Tổng Công ty gia công tại Công ty, nhằm tạo điều kiện cho Công ty được gia công thêm nhiều sản phẩm, sản xuất được liên tục, tạo thêm công ăn việc làm giữ chân cho người lao động, giảm giá thành, tăng lợi nhuận.

Tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận Hợp đồng và các Phụ lục mua bán và hỗ trợ vận chuyển đến hết năm 2027 với Tổng Công ty (*Dự thảo hợp đồng kèm theo*).

2. Hợp đồng mua bán với Công ty cổ phần Bia Hà Nội – Hải Phòng.

Hiện tại, Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng đang nắm giữ 14,06% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty cổ phần Habeco - Hải Phòng. Để tăng thu nhập và việc làm cho người lao động, các năm gần đây Công ty đều có thực hiện ký hợp đồng mua bán để gia công sản phẩm Bia mang nhãn hiệu Bia Hải Phòng cho Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng.

Tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận Hợp đồng mua bán với Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng năm 2027 (*Dự thảo hợp đồng kèm theo*).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên năm 2026;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VTh.

Phạm Anh Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(DU THẢO)

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Số: ... - 2027/HABECO – HBC HP

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 14/6/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 29/11/2005, có hiệu lực từ ngày 01/07/2006;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá số 05/2007/QH 12 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII thông qua ngày 21/11/2007, có hiệu lực từ ngày 01/07/2008;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021,

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai Bên,

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm, tại 183 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, chúng tôi gồm có:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU – NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Trụ sở : 183 Hoàng Hoa Thám, P.Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 84.024.38453843; Fax: 84.024.37223784

Tài khoản : 1500201055412 Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - CN Hà Nội.

Mã số thuế : 0101376672

Đại diện : Ông **Trần Thuận An** Chức vụ: **Phó Tổng giám đốc**

(Theo Giấy ủy quyền số 128/GUQ- HABECO ngày 17/5/2021 của Tổng giám đốc)

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO - HẢI PHÒNG

Trụ sở : Thôn Xuân Áng, xã An Lão, thành phố Hải Phòng

Điện thoại : 0225.3667163

Tài khoản : 20182868 tại Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí toàn cầu (GP Bank) chi nhánh Hải Phòng hoặc tài khoản 883704060001751 tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Sở giao dịch hoặc tài khoản 110602416888 tại ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hải Phòng.

Mã số thuế : 0200761964

Đại diện : Ông Nguyễn Hoàng Giang Chức vụ: Giám đốc

Hai Bên thống nhất thỏa thuận ký Hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1: Các nguyên tắc chung

1.1. Bên A cùng với Bên B tổ chức sản xuất sản phẩm (được quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này) theo công nghệ và mang nhãn hiệu đã được đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ của Bên A (sau đây gọi là các sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội). Trong đó:

1.1.1. Bên A cung cấp các tài liệu liên quan đến quá trình sản xuất, cấp men giống cho Bên B. Bên A kiểm soát Bên B thực hiện quá trình sản xuất các sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội của Bên A tại Bên B (chi tiết tại phụ lục 01 của Hợp đồng này).

1.1.2. Bên B tổ chức sản xuất, bảo đảm chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của Bên A (chi tiết theo phụ lục 01 của Hợp đồng này) tại Bên B.

1.1.3. Bên A bán cho Bên B các nguyên vật liệu mang tính chất quyết định đến chất lượng sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội của Bên A (chi tiết tại phụ lục số 02 của Hợp đồng này).

1.2. Bên B bán cho Bên A toàn bộ số lượng sản phẩm đã được Bên A xác nhận đạt chất lượng theo giá thỏa thuận ghi tại Điều 3 của Hợp đồng này và các phụ lục Hợp đồng (nếu có). Đối với số lượng sản phẩm không được Bên A xác nhận đạt chất lượng thì được xử lý

1.3. Bên A ủy quyền cho các Công ty vận tải và/hoặc các Công ty Thương mại thực hiện việc giao, nhận bia thành phẩm và vỏ chai kết với Bên B. Bên A thông báo cho Bên B danh sách cá nhân thay mặt người mua hàng ký trên hóa đơn giá trị gia tăng của Bên B.

1.4. Tùy từng thời điểm và năng lực tài chính, Bên B sẽ hỗ trợ công tác tiêu thụ sản phẩm và phát triển thương hiệu cho Bên A.

Điều 2: Tên sản phẩm và chất lượng

2.1. Tên sản phẩm: - Bia Hà Nội Chai 450ml;
- Bia Hà Nội Lon 330ml.

2.2. Chất lượng:

Chất lượng các sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội do Bên B sản xuất phải tuân thủ theo quy định của Bên A:

- Các tài liệu về tiêu chuẩn chất lượng (TCCL) trong hệ thống tài liệu ISO.
- Bản Công bố chất lượng sản phẩm được đăng tải và cập nhật trên website: <https://www.habeco.com.vn> của Bên A.

Điều 3: Giá mua bán Nguyên vật liệu và Bia thành phẩm

3.1. Đối với bia thành phẩm: Đơn giá sản phẩm Bên B bán cho Bên A là đơn giá đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt Bên B phải nộp theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Căn cứ xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt được Bên A thông báo bằng văn bản cho Bên B tại từng thời kỳ.

Sản phẩm	Số lượng	Đơn giá (chưa thuế GTGT)	Trị giá hàng hoá (VND)	Thuế GTGT 10% (VND)	Tổng giá trị thanh toán (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)*(3)	(5)=(4)*10%	(6)=(4)+(5)
Bia Hà Nội Chai 450ml					
Bia Hà Nội Lon 330ml					
Tổng					

(Bảng chữ: ... /.).

Khi có sự thay đổi về đơn giá, hai bên sẽ thống nhất với nhau bằng Phụ lục Hợp đồng.

3.2. Đối với nguyên vật liệu: Chi tiết tại Phụ lục số 02 và các Phụ lục khác (nếu có).

Địa điểm giao nhận nguyên vật liệu tại Bên A hoặc Bên B theo thỏa thuận giữa 02 bên. Khi có thay đổi về đơn giá, chủng loại, hai Bên sẽ thỏa thuận và ký kết Phụ lục Hợp đồng bổ sung.

Đơn giá các nguyên vật liệu Bên A bán cho Bên B như sau:

Mã Vật tư	Tên nguyên vật liệu	ĐVT	Giá bán tại các điểm giao hàng (VND/ĐVT) Chưa bao gồm VAT	
			Giao tại 183 Hoàng Hoa Thám	Giao tại Bên B
13001100	Malt Pháp (Bao)	kg		
13001105	Malt Đan Mạch (Bao)	kg		
13001107	Malt Đức (Bao)	kg		
13001102	Malt Úc (Bao)	kg		
13001104	Malt Úc (Rời)	kg		
13001101	Malt Pháp (Rời)	kg		
13001106	Malt Đan Mạch (Rời)	kg		
13001108	Malt Đức (Rời)	kg		
13000763	Hoa thơm Bobek 2-4% alpha	kg		
13000762	Hoa thơm Saar 2,5% - 3,8% alpha	kg		
13000642	Hoa viên Đức HPE 10% alpha	kg		
13000784	Hoa Houblon Aurora 10% acid	kg		
13000765	Cao Mỹ 50% alpha	kg		
13001118	Cao hoa Mỹ 54.6-55% alpha	kg		
13001314	Cao hoa Mỹ 54.3-55.5% alpha	kg		

Mã Vật tư	Tên nguyên vật liệu	ĐVT	Giá bán tại các điểm giao hàng (VND/ĐVT) Chưa bao gồm VAT	
			Giao tại 183 Hoàng Hoa Thám	Giao tại Bên B
13001315	Cao hoa Mỹ 56% alpha	kg		
13001379	Cao hoa Mỹ 52.3- 52.5% alpha	kg		
13001456	Cao hoa Mỹ 54.2 % alpha	kg		
13001494	Cao hoa Mỹ 55.3 % alpha	kg		
13001617	Cao hoa Mỹ 50.39 % alpha	kg		
13000635	Cao hoa Đức 50% alpha	kg		
13001537	Cao hoa Mỹ 51.8 % alpha	kg		
13000715	Chụp BC Hà Nội 450	tờ		
13000716	Chụp BC Hà Nội 450 -KM	tờ		
13000738	Vỏ lon Hà Nội 330	cái		
21000000	Nắp lon trắng 202	nắp		
13000741	Vỏ lon Bia Hà Nội 330 KM	cái		
13000718	Nắp BC Hà Nội 450	cái		
13000717	Nắp BC Hà Nội 450 - KM	cái		
13000713	Nhãn BC Hà Nội 450 Metalize	bộ		
13001484	Nhãn thân bia chai Hà Nội 450ml metalize	cái		
13001485	Nhãn lưng bia chai Hà Nội 450ml metalize	cái		
13000739	Vỏ hộp Bia HN lon 330ml KM	cái		
13000743	Vỏ hộp Bia lon Hà Nội 330	cái		

Tổng giá trị thanh toán dự kiến (theo đơn giá giao tại Bên B) như sau:

Tên nguyên vật liệu/ đơn vị tính	Số lượng (+/- 10%)	Đơn giá (đồng), (chưa thuế GTGT)	Trị giá hàng hoá (VND)	Thuế GTGT 10% (VND)	Tổng giá trị thanh toán (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)*(3)	(5)=(4)*10%	(6)=(4)+(5)
Malt các loại					
Cao hoa 50%					

Tên nguyên vật liệu/ đơn vị tính	Số lượng (+/- 10%)	Đơn giá (đồng), (chưa thuế GTGT)	Trị giá hàng hoá (VND)	Thuế GTGT 10% (VND)	Tổng giá trị thanh toán (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)*(3)	(5)=(4)*10%	(6)=(4)+(5)
Hoa viên 10%					
Chụp bạc bia chai Hà Nội 450ml					
Nhãn BC HN 450ml					
Nắp BC HN 450ml					
Vỏ lon bia HN 330ml					
Nắp lon bia HN 330ml					
Vỏ hộp Bia lon Hà Nội 330					
Tổng cộng					

(Bảng chữ: ... /.).

(Đơn giá Malt các loại dự kiến được lấy theo đơn giá Malt cao nhất quy định tại khoản 3.2 Điều này).

Điều 4: Điều kiện, thời hạn và phương thức thanh toán

4.1. Điều kiện thanh toán :

4.1.1. Đối với bia thành phẩm: Bên A thanh toán cho Bên B sau khi thỏa mãn 2 điều kiện sau:

- Các sản phẩm được sản xuất theo đơn đặt hàng của Bên A đã sẵn sàng để bàn giao, đạt chất lượng theo tiêu chuẩn quy định tại Phụ lục 01 (có xác nhận của Phòng KT/QM/đại diện giám sát của Bên A).

- Bên A nhận được hóa đơn GTGT hợp lệ, bảng kê xuất Bia Hà Nội của Bên B.

4.1.2. Đối với nguyên vật liệu: Bên B thanh toán cho Bên A sau khi Bên B nhận được nguyên vật liệu và hóa đơn GTGT hợp lệ của Bên A.

4.2. Thời hạn và phương thức thanh toán:

4.2.1. Đối với bia thành phẩm: Bên A thanh toán cho Bên B bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên B, tối đa không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ của Bên B (bao gồm hóa đơn GTGT, bảng kê xuất Bia Hà Nội, Phiếu đánh giá sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng do Phòng KT/QM/đại diện giám sát của Bên A ký xác nhận) hoặc bù trừ tiền bán nguyên vật liệu cho Bên B.

4.2.2. Đối với nguyên vật liệu: Bên B thanh toán cho Bên A bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên A, tối đa không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày Bên B nhận

được hóa đơn GTGT hợp lệ của Bên A hoặc bù trừ tiền bán bia thành phẩm cho Bên A.

4.2.3. Việc thanh toán bù trừ tại điểm 4.2.1, 4.2.2 và các khoản thanh toán khác (nếu có) giữa hai Bên căn cứ theo Biên bản đối chiếu bù trừ công nợ. Giá trị còn lại được thanh toán bằng chuyển khoản.

4.2.4. Thời hạn thanh toán có thể thay đổi theo sự thỏa thuận của hai bên bằng văn bản.

4.3. Hình thức thanh toán: Bù trừ công nợ hoặc chuyển khoản bằng tiền Việt Nam Đồng.

Điều 5: Địa điểm và quy trình giao nhận bia thành phẩm/vỏ chai kết

5.1. Địa điểm giao nhận: Tại kho của Bên B và/hoặc kho của Bên A.

5.2. Quy trình giao nhận: Thực hiện theo quy định tại Điều 2 Phụ lục 03 của Hợp đồng này

5.3. Chi phí vận chuyển, bốc xếp:

5.3.1. Trường hợp giao nhận tại kho của Bên B: Bên B chịu trách nhiệm thanh toán chi phí bốc dỡ hàng hóa, sản phẩm lên xuống phương tiện vận tải của Bên A tại kho của Bên B.

5.3.2. Trường hợp giao nhận tại kho của Bên A: Bên B chịu trách nhiệm thanh toán chi phí bốc dỡ hàng hóa lên xuống tại kho của Bên B và chi phí vận chuyển hàng hóa đến kho của Bên A.

Điều 6: Quyền và trách nhiệm của mỗi Bên

6.1. Quyền của Bên A:

6.1.1. Điều chỉnh tăng, giảm số lượng sản phẩm ghi tại Điều 3 của Hợp đồng này, tùy theo tình hình tiêu thụ thực tế.

6.1.2. Kiểm tra, giám sát Bên B về toàn bộ quá trình sản xuất sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội.

6.1.3. Cử nhân viên đến Bên B để thực hiện nhiệm vụ giám sát kỹ thuật sản xuất các sản phẩm của Bên A, quy định chi tiết tại Phụ lục 04.

6.1.4. Yêu cầu Bên B thực hiện đúng các điều khoản trong Hợp đồng này.

6.1.5. Các quyền khác theo quy định của Hợp đồng này.

6.2. Trách nhiệm của Bên A:

6.2.1. Thông báo cho Bên B kế hoạch sản xuất hàng tháng trước ngày 17 của tháng trước. Thực hiện công việc điều hành sản xuất và điều hành vận chuyển bia thành phẩm/vỏ chai kết hàng ngày.

6.2.2. Mua toàn bộ số lượng sản phẩm được Bên A xác nhận đạt chất lượng do Bên B sản xuất ra theo Đơn đặt hàng của Bên A.

6.2.3. Thanh toán công nợ theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng này.

6.2.4. Thực hiện trách nhiệm quy định tại Hợp đồng này và các phụ lục kèm theo.

6.3. Quyền của Bên B:

6.3.1. Yêu cầu Bên A cung cấp các tài liệu về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, nguyên vật liệu, phụ gia, hóa chất, bao bì đóng gói để sản xuất và đóng gói sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội.

6.3.2. Yêu cầu Bên A bán nguyên vật liệu đúng số lượng, chất lượng, thời gian và địa điểm theo thỏa thuận của hai Bên.

6.3.3. Yêu cầu Bên A thanh toán công nợ theo đúng quy định Điều 4 của Hợp đồng này.

6.3.4. Yêu cầu Bên A chỉ dẫn thực hiện Hợp đồng, đồng thời thực hiện đúng các quy định trong Hợp đồng.

6.3.5. Các quyền khác theo quy định của Hợp đồng này.

6.4. Trách nhiệm của Bên B:

6.4.1. Thực hiện việc lập, theo dõi Kế hoạch sản xuất tháng theo đúng quy định tại HD.01/KH.

6.4.2. Tổ chức sản xuất theo quy trình công nghệ và các yêu cầu bảo mật công nghệ được ghi tại Phụ lục số 01 của Hợp đồng này.

6.4.3. Bảo quản bia thành phẩm, nguyên vật liệu trong kho theo tiêu chuẩn của Bên A quy định tại QC.05/KT và HD.01/QM - Hướng dẫn giám sát sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội và các tài liệu khác của Bên A, kho có sức chứa đảm bảo Kế hoạch sản xuất và phù hợp với quy định của Bên A.

6.4.4. Thông báo cho Bên A việc không đảm bảo kế hoạch giao bia thành phẩm, nhận các nguyên vật liệu.

6.4.5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bên A về toàn bộ quá trình sản xuất bia mang thương hiệu Bia Hà Nội.

6.4.6. Gửi bộ hồ sơ thanh toán cho Bên A theo từng lần/tháng và thanh toán công nợ theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng này.

6.4.7. Bên B có trách nhiệm bảo quản và trả lại pallet, nắp đậy pallet cho Nhà cung ứng của Bên A (pallet và nắp đậy pallet là vật dụng để chứa đựng vỏ lon, nắp lon trong quá trình vận chuyển từ Nhà cung ứng chuyên sản xuất và cung cấp vỏ lon, nắp lon của Bên A tới Bên B để sản xuất sản phẩm Bia thương hiệu Hà Nội). Trong trường hợp Bên B làm thất thoát pallet và nắp đậy pallet, Bên B có trách nhiệm thanh toán khoản tiền đền bù ứng với giá trị của số lượng pallet và nắp đậy pallet mà Bên B làm thất thoát theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Bên A với đơn giá như sau:

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Đơn giá (đã bao gồm VAT)
1	Pallet nhựa	VND/cái	
2	Nắp đậy pallet nhựa	VND/cái	

(VAT được áp dụng theo các quy định của Nhà Nước)

6.4.8. Thực hiện gửi báo cáo định kỳ (trước ngày mùng 5 của tháng kế tiếp):

- Báo cáo nhập vỏ chai, két; nhập – xuất pallet luân chuyển (bao gồm nhập xuất đến Công ty thương mại và giữa các Công ty sản xuất);

- Báo cáo xác nhận số lượng thành phẩm tồn kho Bên A gửi tại kho Bên B (tại plant 1006, 1008) thời điểm cuối mỗi tháng.

(Đầu mỗi tiếp nhận báo cáo: Phòng Vật tư nguyên liệu của Bên A)

6.4.9. Không sử dụng quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội để sản xuất bất kỳ loại bia mang nhãn hiệu nào khác.

6.4.10. Xử lý sản phẩm không đạt chất lượng theo chỉ dẫn của Bên A quy định tại Điều 2 Phụ lục 01 của Hợp đồng.

6.4.11. Bên B có trách nhiệm cập nhật số liệu nhập xuất tồn kho của nguyên vật liệu chính quy định tại Phụ lục 02 của Hợp đồng, bán thành phẩm, thành phẩm hàng ngày trên hệ thống SAP – ERP của Bên A (tài khoản đăng nhập hệ thống do Bên A cung cấp).

6.4.12. Thực hiện trách nhiệm quy định tại Hợp đồng này và các phụ lục kèm theo.

Điều 7: Hành vi vi phạm và phạt vi phạm

7.1. Vi phạm về thương hiệu:

Tất cả các hành vi sử dụng quyền sở hữu trí tuệ của Bên A đã được pháp luật bảo vệ ngoài việc sản xuất sản phẩm quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này đều được coi là vi phạm (trừ trường hợp được sự đồng ý trước của Bên A bằng văn bản). Nếu vi phạm Bên B sẽ bị phạt với các mức như sau:

- Vi phạm lần 1: Tạm dừng sản xuất cho đến khi có sự chấp thuận (bằng văn bản) được sản xuất trở lại của Bên A.

- Vi phạm lần 2: Chấm dứt Hợp đồng .

7.2. Vi phạm về chất lượng, số lượng, quy trình, quy phạm:

7.2.1. Vi phạm về chất lượng

a. Tự ý thay đổi quy trình công nghệ đã được chuyển giao. Nếu vi phạm Bên B sẽ bị phạt với các mức như sau:

- Vi phạm lần 1: Phạt 100 triệu đồng, tạm dừng sản xuất cho đến khi Bên B chấm dứt/hủy bỏ việc vi phạm này.

- Vi phạm lần 2: Chấm dứt Hợp đồng .

b. Sử dụng nguyên liệu, phụ gia không đúng tiêu chuẩn kỹ thuật do Bên A quy định. Nếu vi phạm Bên B sẽ bị phạt với các mức như sau:

- Vi phạm lần 1: phạt 100 triệu đồng, tạm dừng sản xuất cho đến khi Bên B chấm dứt/hủy bỏ việc vi phạm này.

- Vi phạm lần 2: Chấm dứt Hợp đồng .

c. Làm thất thoát hoặc sai lệch số lượng các vật liệu mang nhãn hiệu độc quyền của Bên A nhưng không giải trình được nguyên nhân. Mức phạt từ 30 đến 50 triệu đồng/1 lần lập biên bản.

d. Vi phạm về tần suất kiểm tra, phân tích, lấy mẫu, gửi mẫu bị nhắc nhở quá 2 lần, lần thứ 3 sẽ bị lập biên bản. Mức phạt 30 triệu đồng/1 lần lập biên bản.

e. Vi phạm về quy định báo cáo số liệu, bị nhắc nhở quá 2 lần, lần thứ 3 sẽ bị lập biên bản. Mức phạt 30 triệu đồng/1 lần lập biên bản.

f. Nếu để sản phẩm lỗi ra thị trường gây ảnh hưởng đến hình ảnh và thương hiệu của Bên A như: bia có dị vật, bia vơi, bia lẫn nước thì Bên B sẽ bị phạt với các mức như sau:

- Vi phạm lần 1: Phạt 100 triệu đồng.

- Vi phạm lần 2: Phạt 100 triệu đồng, tạm dừng sản xuất cho đến khi có sự chấp thuận (bằng văn bản) được sản xuất trở lại của Bên A.

- Vi phạm lần 3: Chấm dứt Hợp đồng .

g. Nếu để khách hàng khiếu nại về việc bia bị đóng nhầm chai, nhầm nút, bia bị vẩn đục thì Bên B sẽ bị phạt với các mức như sau:

- Vi phạm lần 1: Phạt 50 triệu đồng.

- Vi phạm lần 2: Phạt 50 triệu đồng, tạm dừng sản xuất cho đến khi có sự chấp thuận (bằng văn bản) được sản xuất trở lại của Bên A.

- Vi phạm lần 3: Chấm dứt Hợp đồng .

h. Nếu để sản phẩm đựng trong két không đúng chủng loại hoặc két bẩn, xấu, gãy, vỡ như đã quy định tại QC.26/KT ra các kho của Công ty thương mại hoặc Nhà phân phối/đại lý cấp 1 của Công ty thương mại nhập sản phẩm trực tiếp từ kho của Bên B gây ảnh hưởng đến hình ảnh và thương hiệu của Bên A thì Bên B sẽ bị phạt 10 triệu đồng/1 lần lập biên bản.

i. Vi phạm chỉ tiêu hóa lý

- Nếu trong 01 tháng có 03 lô liên tiếp có chỉ tiêu không đạt theo khoản 1.1 Điều 1 Phụ lục số 01 của Hợp đồng này, bên A sẽ lập hồ sơ theo thủ tục TT.09 hoặc TT.10 làm căn cứ để Bên A xử phạt Bên B. Mức phạt: 20 triệu đồng/lần.

j. Vi phạm chỉ tiêu vi sinh

- Bia thành phẩm: Nếu không đạt theo khoản 1.1 Điều 1 Phụ lục số 01 Hợp đồng này, bên A sẽ lập hồ sơ theo thủ tục TT.09 hoặc TT.10 làm căn cứ để Bên A xử phạt Bên B. Mức phạt: 20 triệu đồng/lần.

k. Vi phạm về năng lực phân tích

- Nếu Bên B không đạt các tiêu chí khi tham gia Ring test trong hệ thống Habeco theo tần suất quy định tại HD.05/QM, Bên B sẽ bị phạt 5 triệu đồng /1 chỉ tiêu không đạt.

7.2.2. Vi phạm về số lượng:

a. Không giao hết 100% số lượng sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội được sản xuất theo lô cho Bên A mà giữ lại bán ra ngoài hoặc dùng vào mục đích khác. Mức phạt: Phạt gấp 5 lần giá trị phần giữ lại theo giá quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này. Tái phạm lần thứ ba sẽ chấm dứt Hợp đồng này.

b. Làm sai lệch số liệu giữa số lượng sản phẩm Bia Hà Nội sản xuất thực tế và số lượng sản phẩm Bia Hà Nội trên sổ sách mà không giải trình được nguyên nhân. Mức phạt 50 triệu đồng/1 lần lập biên bản.

c. Giao không đúng số lượng, chủng loại trong Kế hoạch vận chuyển Bên A ban hành, điều hành mà không giải trình được nguyên nhân hoặc không báo cáo. Mức phạt: 8% tổng giá trị lượng hàng hóa giao sai. Đồng thời Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường mọi chi phí phát sinh để khắc phục hậu quả của việc giao hàng không đúng theo kế hoạch và điều hành của Bên A.

7.2.3. Vi phạm về quy trình, quy phạm:

Không tuân thủ đúng quy trình, quy phạm do Bên A ban hành hoặc không thực hiện đúng yêu cầu theo thông báo của Bên A, Bên A sẽ lập biên bản. Mức phạt: 30 triệu đồng/1 lần lập biên bản.

7.3. Vi phạm về nghĩa vụ sử dụng quy trình công nghệ ngoài phạm vi sản xuất bia theo thỏa thuận tại Hợp đồng này:

Sử dụng quy trình công nghệ sản xuất Bia Hà Nội hoặc men Bia Hà Nội do Bên A chuyển giao để sản xuất bia mang nhãn hiệu khác. Nếu vi phạm, Bên B sẽ bị phạt với các mức như sau:

- Vi phạm lần 1: Phạt 200 triệu đồng, tạm dừng sản xuất cho đến khi Bên B chấm dứt việc vi phạm.

- Vi phạm lần 2: Chấm dứt Hợp đồng.

7.4. Vi phạm về việc cập nhật số liệu trên phần mềm SAP:

Trong trường hợp Bên B làm sai lệch số liệu nhập xuất tồn kho của nguyên vật liệu chính quy định tại Phụ lục 01 của Hợp đồng, bán thành phẩm, thành phẩm giữa thực tế và số liệu trên phần mềm SAP mà không giải trình được nguyên nhân hoặc nội dung giải trình không được Bên A chấp thuận, Bên B phải chịu phạt vi phạm 20 triệu đồng/lần

7.5. Trình tự xử phạt:

- Tiến hành lập biên bản với Bên B về việc vi phạm theo quy định tài liệu ISO có liên quan của Bên A.

- Bên A gửi thông báo cho Bên B nêu rõ mức phạt và thời hạn thực hiện.

7.6. Thanh toán tiền phạt:

Việc thanh toán tiền phạt được tính vào công nợ và thanh toán bù trừ theo điểm 4.2.3, khoản 4.2, Điều 4 của Hợp đồng này.

Điều 8: Điều khoản chung:

8.1. Hai Bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ các điều khoản đã nêu trong Hợp đồng. Nếu có vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, hai Bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo đôi Bên cùng có lợi. Mọi thay đổi, bổ sung phải được hai Bên thống nhất bằng văn bản hoặc Phụ lục Hợp đồng.

8.2. Trường hợp có tranh chấp mà hai Bên không giải quyết được bằng thương lượng thì mỗi Bên có quyền khởi kiện đến Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

8.3. Bên A có quyền đơn phương đình chỉ và/hoặc chấm dứt Hợp đồng nếu Bên B không thực hiện đúng hoặc vi phạm (các) điều khoản của Hợp đồng và/hoặc các Phụ

lực của Hợp đồng này, dẫn đến khả năng gây nguy cơ tổn hại đến uy tín thương hiệu hay chất lượng sản phẩm của Bên A.

8.4. Khi thanh lý Hợp đồng, hai Bên phải tiến hành đối chiếu và thanh toán các khoản công nợ có liên quan đến Hợp đồng này để làm cơ sở ký Biên bản thanh lý Hợp đồng.

8.5. Các Bên cam đoan rằng mỗi Bên có đầy đủ năng lực pháp lý để ký kết và thực hiện Hợp đồng với Bên còn lại. Các Bên đã có đủ và hoàn tất mọi thủ tục pháp lý phê duyệt nội bộ theo quy định của Pháp luật và quy định nội bộ của mỗi Bên và sẽ duy trì hiệu lực đầy đủ của các thủ tục phê duyệt này để ký kết và thực hiện Hợp đồng này

Điều 9: Hiệu lực và số bản của Hợp đồng

9.1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2027 đến hết ngày 31/12/2027.

9.2. Các Phụ lục là phần không tách rời của Hợp đồng này:

- Phụ lục 01: Về vấn đề kỹ thuật, chất lượng.
- Phụ lục 02: Về nguyên vật liệu.
- Phụ lục 03: Về giao nhận sản phẩm, chai kết, nguyên vật liệu.
- Phụ lục 04: Về Kỹ sư giám sát kỹ thuật sản xuất các sản phẩm của Bên A.

Các Phụ lục khác (nếu có)

9.3. Các tài liệu nội bộ của Bên A được nêu tại Hợp đồng này, gồm:

- Các tài liệu về tiêu chuẩn chất lượng (TCCL) trong hệ thống tài liệu ISO ;
- QC.05/KT, HD.01/QM, HD.05/QM, HD.04/QM, QC.26/KT.

Các bên thống nhất rằng các tài liệu nội bộ nêu trên là một bộ phận cấu thành của Hợp đồng này và có giá trị là cơ sở để dẫn chiếu thực hiện.

9.4. Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi Bên giữ 02 bản. Các bản có giá trị như nhau./.

BÊN A

BÊN B

PHỤ LỤC 01 - CỦA HỢP ĐỒNG SỐ: ...-2027/HABECO - HBC HP

Về vấn đề kỹ thuật, chất lượng

Điều 1: Trách nhiệm, các yêu cầu để đảm bảo chất lượng sản phẩm

1.1. Bên A:

1.1.1. Cung cấp cho Bên B các tài liệu theo hệ thống ISO: “Quy trình và công nghệ sản xuất”; “Kiểm soát chất lượng sản phẩm”; “Tiêu chuẩn chất lượng” và các bản công bố chất lượng sản phẩm.

1.1.2. Giám sát Bên B việc tuân thủ, thực hiện quy trình công nghệ trong việc sản xuất sản phẩm tại Bên B như quy định tại điểm 6.1.2 khoản 6.1 Điều 6 của Hợp đồng.

1.1.3. Cung cấp men giống cho Bên B đủ đáp ứng sản xuất sản phẩm; Giám sát việc sử dụng men, bảo mật men do Bên A cung cấp chỉ phục vụ cho sản xuất sản phẩm của bên A; Giám sát toàn bộ men tái sản xuất và men thải tại cơ sở sản xuất của Bên B.

Định kỳ hoặc đột xuất Bên A có quyền lấy mẫu men để sản xuất bia mang thương hiệu riêng của Bên B cũng như mẫu men để sản xuất sản phẩm của Bên A tại Bên B để kiểm tra các chỉ tiêu hình thái, sinh hóa hoặc di truyền.

1.1.4. Có quyền đánh giá năng lực sản xuất, điều kiện cơ sở vật chất- kỹ thuật; công tác quản lý kỹ thuật, quản lý quy trình công nghệ, quản trị chất lượng sản phẩm tại cơ sở sản xuất và trụ sở của Bên B.

1.1.5. Thực hiện kiểm soát chất lượng sản phẩm sản xuất tại Bên B theo HD.04/QM.

1.2. Bên B:

1.2.1. Đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng về tình trạng máy móc thiết bị, khả năng kiểm tra thử nghiệm, khả năng kiểm soát chất lượng nước, đảm bảo nhân lực để thực hiện đầy đủ quy trình sản xuất sản phẩm Bia Hà Nội. Xây dựng và duy trì hoạt động có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 và 22000, đảm bảo phù hợp, thống nhất với các Hệ thống ISO của Bên A.

1.2.2. Tuân thủ nghiêm ngặt việc kiểm soát quá trình sản xuất thông qua việc ghi chép trung thực, đầy đủ, rõ ràng các biểu mẫu kiểm soát quá trình do các chuyên gia của Bên A hướng dẫn và lưu trữ có hệ thống các hồ sơ này để làm bằng chứng cho việc tuân thủ của mình.

1.2.3. Tiến hành hủy bỏ men khi thừa men hoặc men đã quá đời sử dụng; Khi hủy bỏ men, Bên B lập biên bản và lưu giữ để làm bằng chứng. Không được sử dụng men có nguồn gốc từ Bên A cung cấp để mua, bán, trao đổi và sử dụng để sản xuất bất kỳ loại bia nào khác.

1.2.4. Sẵn sàng cung cấp kế hoạch nấu bia mang thương hiệu riêng của mình, kế hoạch chuẩn bị mua men, gậy men của mình đáp ứng cho việc sản xuất này (bao gồm các giấy tờ về nguồn gốc xuất xứ chủng giống nấm men sử dụng chứng tỏ men được mua từ Bên ngoài độc lập với men Bia Hà Nội) cho các nhân viên đại diện được cử đến làm việc của Bên A kiểm tra khi cần.

Khi có yêu cầu của Bên A, Bên B gửi mẫu sản phẩm bia khác do Bên B có sản xuất, ngoài thương hiệu của Bên A, để Bên A đánh giá.

1.2.6 Trong quá trình sản xuất và sau khi hoàn tất một lô hàng, Bên B phải lấy mẫu, mã hóa mẫu và gửi mẫu cho Bên A theo các quy định và hướng dẫn của Bên A.

1.2.7. Không tiết lộ quy trình công nghệ cho cá nhân, tổ chức của Bên thứ ba. Tuyệt đối bảo mật các tài liệu mà Bên A đã cung cấp tại điểm 1.1.1 khoản 1.1 Điều 1 của Phụ lục này.

1.2.8. Trong quá trình sản xuất sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội nếu gặp sự cố phải thông báo kịp thời cho Bên A để theo dõi hoặc phối hợp xử lý.

1.2.9. Không được sản xuất bia mang nhãn hiệu của Bên thứ ba trong phạm vi nhà máy đang sản xuất sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội nếu không được Bên A đồng ý bằng văn bản.

Điều 2: Trách nhiệm liên quan đến sản phẩm không đạt chất lượng

2.1. Sản phẩm không đạt chất lượng:

2.1.1. Các trường hợp sản phẩm không đạt yêu cầu chất lượng:

a. Các mẻ nấu, bia Bán thành phẩm trước lọc (trong CCT) và sau lọc (trong BBT) không đạt chất lượng theo các tiêu chuẩn chất lượng của Bên A trong các tài liệu tại khoản 1.1 Điều 1 của Phụ lục này.

b. Thành phẩm đã sản xuất ra không đạt chất lượng theo các tài liệu tại khoản 1.1 Điều 1 của Phụ lục này.

c. Thành phẩm đã xuất bán trên thị trường không được người tiêu dùng chấp nhận vì lý do kém chất lượng hoặc khi kiểm tra trên thị trường không đạt tiêu chuẩn chất lượng mà trạng thái không đạt chất lượng này có nguyên nhân xuất phát trong quá trình sản xuất trước khi Bên A tiếp nhận và vận chuyển hàng hóa ra khỏi kho của Bên B.

d. Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn cảm quan do Bên A quy định.

2.1.2. Nguyên tắc xử lý:

a. Trường hợp sản phẩm sai lỗi có thể xử lý lại được để đạt chất lượng theo yêu cầu chất lượng sản phẩm của Bên A thì Bên B chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý của Bên A bằng văn bản.

b. Trường hợp không thể xử lý theo điểm 2.1.2 mục a, thì Bên B chỉ được xử lý với điều kiện:

- Phải được sự đồng ý của Bên A bằng văn bản.

- Các loại sản phẩm xử lý lại không được sử dụng bất kỳ tên gọi hoặc nhãn hiệu nào có liên quan, tương tự, hoặc mang tính độc quyền nhãn hiệu hàng hóa của Bên A hay có thể gây nhầm lẫn với các sản phẩm của Bên A.

c. Khi Bên B xử lý phải có sự giám sát của Bên A, Bên B lập biên bản xử lý sản phẩm sai lỗi cho từng trường hợp, có xác nhận của Bên A. Biên bản được lập thành 2 bản, 1 bản gửi cho Bên A và 1 bản lưu tại Bên B.

2.2. Trách nhiệm:

2.2.1. Bên A:

- a. Tổ chức hướng dẫn Bên B xử lý sản phẩm không phù hợp trong quá trình sản xuất.
- b. Thu hồi sản phẩm sai lỗi như được nêu tại mục c điểm 2.1.1 khoản 2.1 Điều 2 của phụ lục này, tập hợp đầy đủ hồ sơ chứng từ chứng minh các chi phí phát sinh nhằm khắc phục những hậu quả do sản phẩm sai lỗi gây ra để chuyển cho Bên B.

2.2.2. Bên B:

- a. Phối hợp với Bên A để giải quyết các trường hợp liên quan đến sản phẩm lỗi do Bên B sản xuất.
- b. Mẫu kiểm tra thử nghiệm xuất xưởng cũng như mẫu do các chuyên gia của Bên A trực tiếp lấy để kiểm tra các chỉ tiêu khác không được tính vào sản phẩm Bên B bán cho Bên A.
- c. Bồi hoàn các chi phí do Bên A chứng minh được ở mục b điểm 2.2.1 khoản 2.2 Điều 2 của phụ lục này./.

BÊN A

BÊN B

PHỤ LỤC 02 - CỦA HỢP ĐỒNG SỐ: ...-2027/HABECO - HBC HP

Về nguyên vật liệu

Điều 1: Các vấn đề liên quan đến nguyên vật liệu cho sản xuất

1.1. Bên A bán cho Bên B các nguyên vật liệu: Malt, hoa, nhãn, nắp, chup bạc, hộp giấy, vỏ lon.

1.2. Số lượng nguyên vật liệu ghi tại khoản 1.1 của phụ lục này do Bên A và Bên B cùng xác định, trên cơ sở số lượng bia thành phẩm quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này, các phụ lục bổ sung (nếu có) và định mức nguyên vật liệu do Bên A ban hành.

Định mức sử dụng nguyên vật liệu

TT	Danh mục	ĐVT	Định mức/1000 lít bia thành phẩm	
			Bia Hà Nội chai 450ml	Bia Hà Nội Lon 330ml
1	Malt	Kg		
2	Hoa viên 10% α	Kg		
3	Cao hoa 50% α	Kg		
4	Chup bạc bia chai 450 ml	Tờ		
5	Nút bia chai 450 ml	Cái		
6	Nhãn bia chai 450 ml	Bộ		
7	Vỏ chai 450 ml (nổ, vỡ, hỏng, loại trong sản xuất)	Cái		
8	Vỏ lon	Cái		
9	Nắp lon	Cái		
10	Hộp giấy	Cái		

(Định mức này là cơ sở để Bên A bán nguyên vật liệu cho Bên B)

1.3. Các nguyên vật liệu khác (ngoài khoản 1.1 của phụ lục này), Bên B tự tổ chức tìm nhà cung cấp và mua hàng theo danh mục, xuất xứ và tiêu chuẩn kỹ thuật do Bên A quy định tại khoản 1.4 dưới đây.

1.4. Danh mục các nguyên liệu, phụ gia dùng trong sản xuất bia Hà Nội:

TT	Nhóm	Tên phụ gia, hoá chất	Quy định Tiêu chuẩn
1	Nguyên liệu chính	Gạo tẻ	CL.01b/KT
2		Đường trắng	CL.01c/KT
3	Chất hỗ trợ chế biến	Keo dán nhãn	CL.03z/KT
4		Keo dán hộp	
5		Canxiclorua Canxisunphat	CL.03d/KT

TT	Nhóm	Tên phụ gia, hoá chất	Quy định Tiêu chuẩn
6		Caramel	CL.03i/KT
7		Chất chống oxy hoá	CL.03v/KT hoặc CL.03f/KT
8		Enzyme	CL.03t/KT và CL.03g/KT
9		Kẽm	CL.03e/KT
10	Hoá chất	Axit Lactic	CL.03c/KT
11		Axit HNO ₃ , H ₂ SO ₄ , HCl	CL.03l/KT
12		Xút nước, Xút hạt (NaOH)	CL.03k/KT
13		Axit H ₃ PO ₄	CL.03j/KT
14		Hoá chất tẩy rửa, khử trùng	CL.03q/KT ; CL.03m/KT
15		Hoá chất bôi trơn goòng và chống rêu mốc	CL.03r/KT; CL.03s/KT
16	Bột trợ lọc, chất hỗ trợ chế biến	Bột trợ lọc loại thô và mịn	CL.03a/KT
17		PVPP: Chất hỗ trợ lọc bia	CL.03b/KT

1.5. Các vấn đề khác:

1.5.1. Trường hợp Bên B có nhu cầu mua các nguyên vật liệu tại khoản 1.4 (trừ gạo và đường) của phụ lục này, Bên B phải có văn bản đề nghị Bên A trước 10 ngày để Bên A đặt hàng với các nhà cung ứng.

1.5.2. Giá cả các loại nguyên vật liệu Bên A bán cho Bên B là giá theo từng thời điểm bán hàng và được hai Bên thống nhất bằng các phụ lục Hợp đồng bổ sung.

Điều 2: Trách nhiệm của các Bên

2.1. Bên A:

2.1.1. Bán và/hoặc cung cấp cho Bên B các loại nguyên vật liệu, bao bì đúng chủng loại, bảo đảm số lượng, chất lượng, thời gian để Bên B sản xuất theo đúng kế hoạch.

2.1.2. Cung cấp cho Bên B bộ mẫu các vật tư mang nhãn hiệu hàng hoá của Bên A và hướng dẫn Bên B cách thức nhận dạng theo tiêu chuẩn quy định của Bên A.

2.1.3. Trường hợp Bên A điều chỉnh giảm sản lượng sản phẩm đã ghi tại Điều 3 của Hợp đồng này và các phụ lục bổ sung (nếu có), thì Bên A có trách nhiệm cân đối phần nguyên vật liệu quy định tại khoản 1.1 Điều 1 của phụ lục này dôi dư do giảm sản lượng sản phẩm để tính toán với phần nguyên vật liệu của kỳ tiếp theo. Khối lượng dôi dư được xác định trên cơ sở sản lượng sản phẩm giảm và định mức nguyên vật liệu do Bên A ban hành.

2.2. Bên B:

2.2.1. Mua và nhận các nguyên vật liệu do Bên A bán theo khoản 1.1 của phụ lục này:

Bên B căn cứ vào sản lượng sản xuất Bia Hà Nội ghi tại Điều 3 của Hợp đồng và Bảng phân bổ kế hoạch sản xuất năm (dự kiến) lập Bảng kế hoạch mua nguyên vật

liệu năm (chi tiết từng tháng) - “Biểu mẫu số 01”, theo danh mục quy định tại khoản 1.1 Điều 1 của phụ lục này gửi cho Bên A vào tháng 01 hằng năm để Bên A lập lịch giao hàng cả năm với các nhà cung ứng.

Bên B phải nhận đủ số lượng nguyên vật liệu đã đặt mua theo từng tháng trong “Biểu mẫu số 01”.

Trường hợp có đề nghị thay đổi kế hoạch mua nguyên vật liệu Bên B phải thông báo trước cho Bên A bằng văn bản để Bên A điều chỉnh lịch giao hàng với các Nhà cung ứng.

Việc điều chỉnh kế hoạch mua nguyên vật liệu được thực hiện như sau:

+ Đối với malt, cao hoa các loại: Sau 02 tháng kể từ khi Bên A nhận được thông báo của Bên B.

+ Đối với các nguyên vật liệu khác: Sau 01 tháng kể từ khi Bên A nhận được thông báo của Bên B.

Trong thời gian Bên A chưa điều chỉnh được lịch giao hàng với các nhà cung ứng Bên B vẫn phải nhập đủ lượng nguyên vật liệu đã đặt mua.

2.2.2. Trong 2 ngày làm việc đầu tiên hàng tháng Bên B gửi cho Bên A báo cáo tồn nguyên vật liệu và chai kết của tháng trước bằng Fax hoặc email.

2.2.3. Trường hợp Bên B không thực hiện theo đúng quy định về báo cáo tại điểm 2.2.1 và 2.2.2 thì Bên B sẽ bị phạt 30 triệu đồng/1 lần vi phạm.

2.2.4. Bảo quản và sử dụng các loại nguyên vật liệu, bao bì phục vụ sản xuất sản phẩm Bia Hà Nội theo đúng quy định và mục đích đã cam kết.

2.2.5. Lập phiếu nhập kho và theo dõi quản lý đối với số chai kết, pallet mà Bên A cung cấp.

2.2.6. Trường hợp nguyên vật liệu, bao bì Bên B trả lại cho Bên A vì lý do hàng hoá không đạt chất lượng, Bên B phải có bằng chứng và được Bên A chấp thuận.

2.2.7. Phối hợp với Bên A trong việc kiểm tra, kiểm kê định kỳ và đột xuất về tình hình sử dụng các nguyên vật liệu ghi tại khoản 1.1 Điều 1 của phụ lục này./.

BÊN A

BÊN B

PHỤ LỤC 03 - CỦA HỢP ĐỒNG SỐ: ...-2027/HABECO - HBC HP

Về giao nhận sản phẩm, chai kết, nguyên vật liệu

Điều 1: Nguyên tắc chung

1.1. Thực hiện giao nhận hàng hóa gồm: đại diện Đơn vị vận chuyển được Bên A ủy quyền, đại diện Vinacontrol (đối với Malt nhập khẩu) và đại diện của Bên B.

1.2. Nếu Bên A/Bên B đảm nhận phần vận chuyển thì Bên A/Bên B đảm bảo tính hợp pháp của đơn vị tham gia vận chuyển sản phẩm, chai kết, bao bì, nguyên vật liệu bằng giấy ủy quyền cho chủ phương tiện hoặc thông báo của Bên A/Bên B danh sách cá nhân thay mặt người mua hàng ký trên hóa đơn giá trị gia tăng của Bên B/Bên A.

1.3. Lập phiếu giao nhận ngay sau khi hoàn tất hành vi giao nhận hàng đối với chai kết, nguyên vật liệu là hàng hoá đã dỡ khỏi phương tiện vận tải, đã chuyển quyền kiểm soát cho Bên B.

1.4. Khi nhận hàng nếu phát hiện hàng hoá không đúng quy cách chất lượng, số lượng thể hiện trên hoá đơn hoặc chứng từ giao nhận thì Bên nhận hàng phải tiên hành lập biên bản hiện trường và thông báo cho Bên giao hàng biết trong vòng 02 giờ đồng hồ bằng hình thức điện thoại hoặc email/fax. Trong trường hợp sau 17h00 thì ngày 8h sáng ngày làm việc tiếp theo, Bên nhận hàng phải thông báo lại cho Bên giao hàng.

1.5. Sau thời gian quy định như tại khoản 1.4, Bên nhận hàng mà không có ý kiến gì hoặc thông báo nào cho Bên giao hàng thì coi như việc giao nhận đã hoàn tất.

Điều 2: Thủ tục

2.1. Đối với sản phẩm:

2.1.1 Bên A tổ chức kiểm tra sản phẩm theo quy định tại HD.04/QM để Bên B có căn cứ giao hàng.

2.1.2 Nếu Bên A đảm nhận phần vận chuyển hàng hóa, Bên A đưa phương tiện vận tải đến kho của Bên B để tiếp nhận hàng hoá. Trong trường hợp Bên B đảm nhận vận chuyển hàng hóa, Bên B giao hàng hóa đến kho của Bên A hoặc địa điểm do Bên A chỉ định và nhận pallet từ kho của Bên A hoặc địa điểm do Bên A chỉ định.

2.1.3 Bên B giao hàng cho Bên A lô hàng đã được Bên A kiểm soát theo Mục 2.1.1, đồng thời phát hành Hóa đơn giá trị gia tăng đúng với số lượng đã giao.

2.1.4 Thủ tục giao nhận hàng:

- Trường hợp giao hàng tại kho của Bên B: Bên B giao hàng hóa kèm hóa đơn (Bản photo – ghi rõ điểm đến theo đúng kế hoạch vận chuyển/kế hoạch nhận hàng Bên A ban hành hoặc điều hành đột xuất qua email/điện thoại) cho lái xe có tên trong Danh sách lái xe thực hiện giao nhận vận chuyển Bên A cung cấp hoặc bổ sung đột xuất.

- Trường hợp giao hàng tại kho của Bên A: Bên B/đơn vị vận chuyển thực hiện giao hàng hóa kèm hóa đơn (Bản photo - ghi rõ điểm giao hàng theo đặt hàng của Bên A) cho thủ kho của Bên A/ đơn vị được bên A ủy quyền nhận hàng.

2.2. Đối với nguyên vật liệu Bên A bán cho Bên B:

2.2.1 Đối với Malt xuất thẳng từ Cảng Hải Phòng đến kho của Bên B.

a. Bên A giám sát và Bên B kiểm tra số container, số chỉ thực tế nếu khớp với Packing list thì tiến hành nhập Malt.

- Đối với malt bao: đếm số bao trong container.

+ Khối lượng Malt nhập kho = số lượng bao x 50 kg/bao.

- Đối với Malt rời:

+ Cân cả xe container đang chứa malt (1) sau đó đổ malt vào si lô chứa.

+ Cân bì (xe container và các vật liệu bảo quản như bao dứa, thanh sắt...) (2)

+ Khối lượng Malt nhập kho = (1) - (2)

b. Xác nhận nhập malt:

Sau khi nhập malt xong Thủ kho của Bên B lập Biên bản giao nhận malt gửi Bên A (đầu mối nhận: Phòng Vật tư Nguyên liệu) bằng fax hoặc email để Bên A viết hóa đơn bán hàng (Nếu nhập malt rời phải gửi thêm phiếu cân malt).

c. Trường hợp kiểm tra container số cont, số chỉ thực tế không khớp với Packing list, container bị thủng, mở container hoặc đang nhập thấy malt bị ướt, thối mốc, bao rách vỡ, hoặc có sự nghi vấn gì phải:

- Dừng nhập malt, đề nguyên hiện trường, lập biên bản có xác nhận của các thành phần tham gia.

- Thông báo ngay cho Bên A (đầu mối: Phòng Vật tư Nguyên liệu) để mời các cơ quan có trách nhiệm (Vinacontrol, Bảo hiểm, Nhà cung ứng...) đến giải quyết. Các khiếu nại (nếu có) sẽ căn cứ vào kết quả giám định của Vinacontrol.

2.2.2. Đối với các mặt hàng xuất kho từ Bên A: thực hiện giao nhận tại kho của Bên A hoặc Bên B.

Điều 3: Hồ sơ giao nhận

3.1. Đối với sản phẩm:

- Hóa đơn giá trị gia tăng của Bên B.

- Phiếu xuất kho của Bên B.

3.2. Đối với bao bì, chai kết, nguyên vật liệu:

- Hóa đơn giá trị gia tăng của Bên A (đối với nguyên vật liệu).

- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ của Bên A (đối với chai kết).

- Phiếu giao nhận.

Điều 4: Trách nhiệm của mỗi Bên

4.1. Bên A:

4.1.1. Thông báo kế hoạch vận chuyển hàng hóa theo tuần và hướng dẫn bằng văn bản về phối hợp công tác vận chuyển cho Bên B.

4.1.2. Chuẩn bị phương tiện vận tải, đảm bảo không làm suy giảm chất lượng hàng hoá trong suốt quá trình vận chuyển và giao nhận hàng hóa.

4.1.3. Giao nguyên vật liệu đúng chất lượng và số lượng theo hoá đơn giá trị gia tăng.

4.1.4. Khi nhận sản phẩm kiểm tra số lượng, quy cách đúng theo chứng từ và quy định.

4.1.5. Giao chai kết đảm bảo đúng số lượng, quy cách theo hướng dẫn nhận dạng chai kết mà Bên A thông báo cho Bên B theo quy định tại khoản 2.1 Điều 2 của phụ lục 02.

4.1.6. Lập các chứng từ theo quy định.

4.2. Bên B:

4.2.1. Thực hiện xuất hàng theo quy định tại HD.04/KH và phối hợp bảo quản hàng hóa trong quá trình giao nhận vận chuyển theo QT.02/KH.

4.2.2. Có trách nhiệm bồi thường thiệt hại những chi phí vận tải cho Bên A (nhiên liệu, giờ xe chờ, lương lái xe,...) nếu không bố trí đủ hàng, không đảm bảo bốc xếp theo kế hoạch vận chuyển mà không thông báo trước cho Bên A hoặc đơn vị vận chuyển trước 24 giờ.

4.2.3. Sắp xếp sản phẩm đảm bảo giao hàng theo nguyên tắc: Giao theo lô sản xuất, hàng nhập trước - xuất trước. Trong trường hợp không thực hiện được theo nguyên tắc trên, Bên B phải thông báo cho Bên A và được Bên A chấp thuận để thực hiện xuất lô hàng với ngày sản xuất trước không quá 07 ngày so với ngày sản xuất của lô hàng liền kề đã giao cho cùng một kho của Bên A.

4.2.4. Tổ chức giao hàng nhanh chóng khi Bên A đến nhận sản phẩm.

4.2.5. Kiểm tra nguyên vật liệu, chai kết nhận đúng chất lượng, số lượng theo hoá đơn giá trị gia tăng, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, phiếu xuất kho... của Bên A.

4.2.6. Tổ chức bảo quản hàng hoá, đảm bảo không suy giảm phẩm chất làm ảnh hưởng đến chất lượng, mẫu mã sản phẩm của Bên A.

4.2.7. Lập các chứng từ theo quy định./.

BÊN A

BÊN B

PHỤ LỤC 04 - CỬA HỢP ĐỒNG SỐ: ...-2027/HABECO - HBC HP

Về Kỹ sư giám sát kỹ thuật sản xuất các sản phẩm của Bên A

Điều 1: Trách nhiệm và quyền hạn của Kỹ sư giám sát kỹ thuật sản xuất các sản phẩm của Bên A

1.1. Trách nhiệm:

1.1.1. Chịu trách nhiệm kiểm soát toàn bộ quá trình sản xuất sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội sản xuất tại Bên B:

- Giám sát Bên B việc kiểm tra phân tích chất lượng nguyên vật liệu đưa vào sản xuất, bán thành phẩm, thành phẩm của sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội theo quy định tại Bên B.

- Kiểm soát Bên B thực hiện quy trình sản xuất, quy trình vệ sinh công nghiệp cho sản xuất các sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội tại Bên B.

1.1.2. Chịu trách nhiệm kiểm soát hao hụt các nguyên, nhiên vật liệu, chai kết, nhãn trong quá trình sản xuất sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội tại Bên B:

- Theo dõi, giám sát công tác định mức sử dụng nguyên vật liệu cho sản xuất các sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội tại Bên B.

- Kiểm kê và đánh giá việc sử dụng nguyên vật liệu, bao bì, nhãn của sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội, đánh giá việc quản lý lượng bia bán thành phẩm và việc sử dụng bảo quản men, hủy men tại Bên B.

- Kiểm soát việc sử dụng chai kết đưa vào sản xuất tại Bên B.

- Giám sát việc xử lý sản phẩm không đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu của Bên A.

1.1.3. Tiếp nhận các báo cáo của Bên B theo quy định của Bên A (Hướng dẫn đánh giá kiểm soát chất lượng Bia Hà Nội tại các công ty có Kỹ sư giám sát kỹ thuật sản xuất các sản phẩm của Bên A) để cập nhật tình hình sản xuất, sử dụng nguyên vật liệu, vệ sinh công nghiệp từ khâu nhập nguyên liệu, nấu, lên men, lọc, chiết.

1.1.4. Tham gia và giám sát xử lý sự cố liên quan đến sản xuất bia các loại mang thương hiệu của bên A tại Bên B.

1.1.5. Có trách nhiệm bảo vệ tài sản, bảo quản máy móc và dụng cụ được Bên B giao và cấp phát, nếu làm hỏng/mất: phải bồi thường theo quy định của Bên B.

1.1.6. Có trách nhiệm thực hiện đúng các quy trình công việc, các thỏa thuận giữa Bên A và Bên B có liên quan theo Hợp đồng này.

1.1.7. Không được phép tiết lộ những thông tin về tổ chức, hoạt động của Bên B mà Kỹ sư giám sát kỹ thuật sản xuất các sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội được tiếp cận trong quá trình công tác tại Bên B cho bên thứ ba.

1.2. Quyền hạn:

1.2.1. Yêu cầu Bên B thực hiện đúng các điều khoản trong Hợp đồng này và các tiêu chuẩn chất lượng, các quy trình công nghệ, an toàn thực phẩm quy định/hướng dẫn kiểm soát sản phẩm của Bên A đối với các sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội.

1.2.2. Kiểm tra, kiểm soát các hoạt động của các bộ phận trực tiếp sản xuất sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội tại Bên B.

1.2.3. Yêu cầu các bộ phận liên quan của Bên B cung cấp và giải trình các tài liệu, dữ liệu, hồ sơ liên quan và các phương tiện để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

1.2.4. Được tiếp cận với tất cả các đơn vị, cá nhân tại Bên B trong mọi vấn đề, hoạt động có liên quan đến chất lượng, an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội.

1.2.5. Được quyền đề xuất, kiến nghị những giải pháp cải tiến về tổ chức sản xuất, lao động, kỹ thuật.

1.2.6. Lập biên bản đề báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý khi nhận biết các yếu tố gây ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm, các yếu tố vi phạm các điều khoản trong Hợp đồng này hoặc các quy định khác tại Bên B.

1.2.7. Tham dự và có ý kiến tại các cuộc họp về kế hoạch, sản xuất, vật tư, kỹ thuật liên quan đến sản xuất và chất lượng sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội.

1.2.8. Yêu cầu Bên B dừng sản xuất sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội khi thấy có yếu tố nguy hại đến quá trình sản xuất, chất lượng, an toàn thực phẩm, môi trường.

Điều 2. Trách nhiệm và Quyền hạn của Bên B

2.1. Trách nhiệm:

2.1.1. Bố trí phòng làm việc và điều kiện phương tiện làm việc: bàn ghế làm việc, điện thoại trong nước, máy tính nối mạng, máy fax, máy điều hòa nhiệt độ... để Kỹ sư giám sát kỹ thuật sản xuất các sản phẩm của Bên A thực hiện công việc tại Bên B.

2.1.2. Thông báo cho Kỹ sư giám sát kỹ thuật sản xuất các sản phẩm của Bên A về thời gian, địa điểm, nội dung tất cả các cuộc họp về kế hoạch, sản xuất, vật tư, kỹ thuật liên quan đến sản xuất và chất lượng sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội.

2.1.3. Cử đầu mối liên hệ về kỹ thuật cấp Trưởng phòng trở lên, chịu trách nhiệm trong việc sản xuất các sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội, thông báo trực tiếp ngay những sự cố trong tất cả các công đoạn sản xuất và các biện pháp xử lý cho Kỹ sư giám sát kỹ thuật sản xuất các sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội.

2.1.4. Lập và gửi các báo cáo cho Kỹ sư giám sát kỹ thuật sản xuất các sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội theo quy định của Bên A.

2.1.5. Cung cấp các thông tin, tài liệu, hồ sơ liên quan đến sản xuất các sản phẩm mang thương hiệu của bên A khi có yêu cầu của Kỹ sư giám sát kỹ thuật sản xuất các sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội;

2.1.6. Cung cấp các thông tin liên quan đến kế hoạch sản xuất, vật tư nhập xuất trong tháng cho Kỹ sư giám sát kỹ thuật sản xuất các sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội để đảm bảo thực hiện kế hoạch sản xuất do Bên A giao.

2.1.7. Phân công cán bộ theo dõi, chấm công cho Kỹ sư giám sát kỹ thuật sản xuất các sản phẩm của Bên A và gửi bản chấm công về Phòng chức năng Bên A vào đầu tháng tiếp theo.

2.1.8. Dừng sản xuất hoặc dừng nhập kho khi có yêu cầu của Kỹ sư giám sát kỹ thuật sản xuất các sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội.

2.1.9. Tạo điều kiện cho Kỹ sư giám sát kỹ thuật sản xuất các sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội hoàn thành các nhiệm vụ theo Điều 1 Phụ lục này và các quy định khác có liên quan của Bên A.

2.2. Quyền hạn:

2.2.1. Yêu cầu Kỹ sư giám sát kỹ thuật sản xuất các sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội thực hiện đúng nhiệm vụ, trách nhiệm được giao.

2.2.2. Từ chối cung cấp các thông tin, tài liệu không liên quan đến việc sản xuất, quản lý chất lượng các sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội tại Bên B hoặc các vấn đề không thuộc trách nhiệm, nhiệm vụ của Kỹ sư giám sát kỹ thuật sản xuất các sản phẩm của Bia Hà Nội.

2.2.3. Từ chối cung cấp phương tiện, vật chất không nhằm mục đích thực hiện công việc của người Kỹ sư giám sát kỹ thuật sản xuất các sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội tại Bên B.

2.2.4. Từ chối thực hiện các yêu cầu không liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ hoặc không đúng thẩm quyền của Kỹ sư giám sát kỹ thuật sản xuất các sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội.

2.2.5. Thông tin cho Bên A về các trường hợp sai phạm hoặc thiếu trách nhiệm của Kỹ sư giám sát kỹ thuật sản xuất các sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội tại Bên B./.

BÊN A

BÊN B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DU THẢO

PHỤ LỤC.....

- Căn cứ Hợp đồng mua bán số: ký ngày..... và các Phụ lục kèm theo giữa Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội và Công ty Cổ phần Habeco – Hải Phòng (sau đây gọi là “Hợp đồng”).

Hôm nay, ngày tháng năm, tại 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, chúng tôi gồm có:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Trụ sở : 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội
Điện thoại : 84.024.38453843; Fax: 84.024.37223784
Tài khoản : 1500201055412
Ngân hàng : Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội
Mã số thuế : 0101376672
Đại diện : Ông **Trần Thuận An** Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc**

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO - HẢI PHÒNG

Trụ sở : Xã An Lão, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại : 0225.3667163 Fax: 0225.3667189
Tài khoản : 20182868 tại Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Kỹ Nguyên Thịnh Vượng (GP Bank) chi nhánh Hải Phòng hoặc tài khoản 883704060001751 tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Sở giao dịch hoặc tài khoản 110602416888 tại ngân hàng VietinBank – Chi nhánh Bắc Hải Phòng hoặc tài khoản 1281.566.888 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tràng Tiền – Hà Nội.
Mã số thuế : 0200761964
Đại diện : Ông **Nguyễn Hoàng Giang** Chức vụ: **Giám đốc**

Sau khi bàn bạc thỏa thuận, hai Bên thống nhất ký kết Phụ lục..... của Hợp đồng với nội dung sau:

Điều 1. Trong thời gian từ ngày..... đến hết ngày..... Bên B thực hiện việc vận chuyển bằng chi phí của mình các sản phẩm bia thương hiệu Hà Nội (phần hợp tác sản xuất) xếp trên pallet (nếu có) từ kho của Bên B đến kho của Bên A hoặc điểm nhận hàng do Bên A chỉ định và nhận pallet nhựa từ kho của Bên A hoặc điểm nhận hàng do Bên A chỉ định.

Điều 2. Việc vận chuyển theo quy định tại **Điều 1** được tổ chức như sau:

2.1. Danh sách các sản phẩm bia thương hiệu Hà Nội được vận chuyển bao gồm:

STT	Tên hàng hóa
1
2

2.2. Quy trình:

2.2.1. Bên A cập nhật danh sách đơn hàng trên Phần mềm quản lý vận chuyển và Thống kê của Bên A (Phần mềm ABIVIN) trước 16h00 hàng ngày. Đồng thời, Bên A gửi Kế hoạch vận chuyển cho Bên B (bản scan gửi qua email). Đầu mỗi tiếp nhận thông tin, phối hợp điều hành của các Bên:

Email Bên A: kehoach@habeco.com.vn;

Email Bên B:.....

2.2.2. Bên B thực hiện giao nhận vận chuyển theo đúng quy định tại HD.04/KH, phối hợp bảo quản hàng hóa trong quá trình giao nhận vận chuyển theo QT.02/KH. Đồng thời, tuân thủ quy định về luân chuyển chứng từ theo văn bản số 1076/HABECO-KH ngày 31/12/2024 của Bên A.

2.2.3. Hàng tháng, Bên B thực hiện gửi các chứng từ giao nhận vận chuyển (Bản sao y do đơn vị thực hiện) về Bên A (Phòng Kế hoạch). Chứng từ giao nhận vận chuyển bao gồm: Phiếu giao nhận hàng hóa (liên 2: Giao đơn vị vận chuyển) và Phiếu nhập kho (liên 2: Giao đơn vị vận chuyển). Thời hạn gửi chứng từ giao nhận vận chuyển:

+ Đối với các chuyến vận chuyển hoàn thành từ ngày mùng 06 đến ngày 20 hàng tháng: trước ngày mùng 01 hàng tháng.

+ Đối với các chuyến vận chuyển hoàn thành từ ngày 21 đến ngày mùng 05 của tháng kế tiếp: trước ngày 15 hàng tháng.

Điều 3. Nghĩa vụ của mỗi Bên

3.1. Nghĩa vụ của Bên A:

3.1.1. Cung cấp cho Bên B:

+ Danh sách dự kiến các điểm nhận hàng từ kho của Bên B (sau đây gọi là Danh sách điểm nhận hàng)

+ Danh sách người được ủy quyền giao nhận tại các điểm nhận hàng (sau đây gọi là Danh sách người được ủy quyền giao nhận).

Trường hợp cần bổ sung, thay đổi Danh sách điểm nhận hàng hoặc/và Danh sách người được ủy quyền giao nhận, Bên A thực hiện việc thông báo, cập nhật cho Bên B.

3.1.2. Cung cấp cho Bên B danh sách đơn hàng và Kế hoạch vận chuyển theo đúng quy định tại Khoản 2.2 Điều 2.

3.1.3. Tổ chức nhận giao nhận hàng nhanh chóng khi Bên B đến giao sản phẩm.

3.2. Nghĩa vụ của Bên B:

3.2.1. Thông báo cho Bên A danh sách các đơn vị vận tải được Bên B ủy quyền thực hiện giao nhận vận chuyển tại các điểm nhận hàng.

3.2.2. Thực hiện đúng Kế hoạch vận chuyển của Bên A, chuẩn bị phương tiện vận tải, đảm bảo không suy giảm chất lượng hàng hóa trong suốt quá trình vận chuyển và giao nhận hàng hóa.

3.2.3. Hàng tháng gửi các chứng từ giao nhận vận chuyển về Bên A theo đúng quy định tại điểm 2.2.3 khoản 2.2 Điều 2 của Phụ lục này.

Điều 4. Điều khoản chung

4.1. Các nội dung khác của Hợp đồng giữ nguyên giá trị thực hiện.

4.2. Phụ lục này có hiệu lực kể từ ngày.....

4.3. Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng số..... ký ngày..... và được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-
RƯỢU- NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
CÔNG TY CỔ PHẦN
HABECO- HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải phòng, ngày 8 tháng 4 năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v miễn nhiệm thành viên BKS hết nhiệm kỳ 2021-2026
và đề cử thành viên BKS nhiệm kỳ 2026-2031

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Habeco - Hải Phòng

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội khóa XIV nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Habeco – Hải Phòng;

Căn cứ công văn số/HABECO -HDQT ngày của Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Habeco – Hải Phòng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua miễn nhiệm và đề cử thành viên BKS như sau:

- Miễn nhiệm Ông Nguyễn Như Khuê: Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026.

- Đề cử làm ứng cử viên để bầu vào chức danh Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031.

(Sơ yếu lí lịch của ứng cử viên bầu Thành viên Ban kiểm soát kèm theo tờ trình này)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên năm 2026;
- HDQT, BKS;
- Lưu VTh.

Phạm Anh Tuấn

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-
RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
CÔNG TY CỔ PHẦN
HABECO – HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ
ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ, BẦU CỬ THÀNH VIÊN
BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2026-2031
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Habeco - Hải Phòng.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Habeco - Hải Phòng (sau đây gọi là Công ty) tiến hành bầu cử 01 (một) thành viên Ban kiểm soát theo các nội dung dưới đây:

I. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ÁP DỤNG

- Quy định này hướng dẫn trình tự và thủ tục ứng cử, đề cử và bầu cử thành viên Ban kiểm soát (BKS) của Công ty Cổ phần Habeco - Hải Phòng.

- Các ứng viên tham gia ứng cử bầu vào BKS có trách nhiệm thực hiện các nội dung của Quy định này.

- Các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông Công ty chốt ngày 18/3/2026) có quyền tham gia bầu BKS của Công ty Cổ phần Habeco - Hải Phòng.

II. QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ THÀNH VIÊN BKS

1. Thành phần và nhiệm kỳ BKS

- Số lượng thành viên BKS được bầu cử: 01 người

- Nhiệm kỳ thành viên BKS được bầu cử : 2026-2031

- Số lượng ứng cử thành viên BKS: không hạn chế

2. Tiêu chuẩn thành viên BKS

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp.

- Có trình độ chuyên môn, có năng lực kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh, tổ chức quản lý doanh nghiệp.

- Có thể đồng thời là thành viên BKS của công ty khác.

- Thành viên BKS không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

3. Thủ tục đề cử, ứng cử thành viên BKS

- Các cổ đông đủ tiêu chuẩn ứng cử, đề cử ứng viên để bầu thành viên BKS theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Habeco - Hải Phòng được quyền ứng cử, đề cử trước 03 ngày trước khi tiến hành Đại hội đồng cổ đông.

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

- Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm hoặc BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm số ứng viên còn lại và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi đề cử (ứng viên được HĐQT đương nhiệm và BKS đương nhiệm đề cử thêm phải đủ tiêu chuẩn tại khoản 3 và khoản 4 mục II Quy chế này).

4. Hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên BKS

Hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên BKS bao gồm:

- Phiếu đề cử, ứng cử thành viên BKS (theo mẫu đính kèm Quy chế này).

- Sơ yếu lý lịch ứng viên ứng cử thành viên BKS (theo mẫu đính kèm Quy chế này).

- Bản sao công chứng các giấy tờ: CMND, chứng nhận trình độ chuyên môn và trình độ văn hóa nếu có.

Hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên BKS phải được gửi về trụ sở Công ty trước 17h ngày 01/4/2026 theo địa chỉ sau:

Phòng Tổng hợp

Công ty Cổ phần Habeco - Hải Phòng

Địa chỉ: Thôn Xuân Áng, xã An Lão, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

III. HƯỚNG DẪN CÁCH THỨC BẦU THÀNH VIÊN BKS

1. Nguyên tắc bầu thành viên BKS

- Việc bầu thành viên BKS được thực hiện tại Đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu với hình thức bỏ phiếu kín.

- Phương thức bầu dồn phiếu: mỗi cổ đông/đại diện ủy quyền có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu (x) với số thành viên được bầu của BKS.

- Cổ đông có quyền bầu hết toàn bộ hoặc một phần trong tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng viên, phần phiếu còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng viên nào. Tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng viên không được vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu ghi ở phần thông tin cổ đông.

2. Phiếu bầu và cách thức ghi phiếu bầu

- Mỗi cổ đông/đại diện ủy quyền đến dự Đại hội sẽ được Ban tổ chức Đại hội phát một Phiếu bầu thành viên BKS theo mã số cổ đông đăng ký tham dự.

- Phiếu bầu được đóng dấu treo của Công ty, trên mỗi phiếu bầu có tổng số cổ phần sở hữu/được ủy quyền, tổng số quyền biểu quyết tối đa được tính theo nguyên tắc dồn phiếu. Khi cổ đông/đại diện ủy quyền được phát phiếu bầu phải kiểm tra thông tin về mã số và số cổ phần, số phiếu biểu quyết ghi trên phiếu, nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu.

- Cổ đông/đại diện ủy quyền phải viết đầy đủ các thông tin được yêu cầu trên phiếu bầu.

- Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 2.000 cổ phần, tổng số thành viên BKS theo cơ cấu là 04 thành viên. Cổ đông A sẽ có tổng số phiếu bầu cử có quyền bầu tương ứng là $2.000 \times 4 = 8.000$ phiếu để bầu cho 04 ứng cử viên BKS. Cổ đông A có thể bầu dồn hết 8.000 phiếu cho Ứng viên X hoặc 3.000 phiếu và 5.000 phiếu cho lần lượt Ứng viên X và Ứng viên Y hoặc 1.000 phiếu, 5.000 phiếu và 2.000 phiếu cho lần lượt Ứng viên X, Ứng viên Y và Ứng viên Z, hoặc chia đều tổng số phiếu bầu cho 4 ứng viên, hoặc không bầu cho ứng viên nào....

3. Phiếu bầu không hợp lệ

- Phiếu bầu không do Ban tổ chức Đại hội phát hành.

- Phiếu bầu rách nát, có tẩy xóa, sửa chữa nội dung, có tên những người không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội thông nhất đề cử và ứng cử trước khi tiến hành bỏ phiếu.

- Phiếu bầu có tổng số quyền biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền biểu quyết của cổ đông đó sở hữu/được ủy quyền.

- Phiếu bầu không có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông.

- Những phiếu bầu không hợp lệ sẽ không có giá trị và sẽ được Ban tổ chức loại trừ khi kiểm phiếu.

4. Ban Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

▪ Ban Kiểm phiếu

- Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào BKS.

- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:

+ Thông qua Quy chế bầu cử

- + Giới thiệu phiếu và phát phiếu bầu
- + Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu
- + Tổ chức kiểm phiếu
- + Lập Biên bản và công bố kết quả bầu cử trước Đại hội

- Ban Kiểm phiếu phải đảm bảo tính trung thực và tính bảo mật trong quá trình kiểm phiếu. Ban Kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm trước Đại hội về tính chính xác của kết quả kiểm phiếu. Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập Biên bản kết quả kiểm phiếu, công bố trước Đại hội, sau đó niêm phong phiếu bầu cử, bàn giao dữ liệu liên quan đến bầu cử cho Chủ tọa Đại hội.

▪ **Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu**

- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu sau khi đã chốt danh sách ứng viên BKS và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

▪ **Nguyên tắc trúng cử**

Tỷ lệ số phiếu bầu = (Tổng số phiếu bầu cho ứng cử viên/tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp) x 100%.

- Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo tổng số quyền biểu quyết được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có tổng số quyền biểu quyết được bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên BKS quy định.

- Trường hợp có những ứng cử viên đạt tỷ lệ % tổng số quyền biểu quyết tín nhiệm ngang nhau mà cần phải loại bớt để đạt đủ số thành viên trúng cử theo quy định thì người nào sở hữu hoặc đại diện sở hữu nhiều cổ phần hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu cũng ngang nhau thì sẽ tổ chức bầu lại giữa các ứng cử viên này để chọn.

▪ **Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu**

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ, số phiếu trắng, số và tỉ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên vào BKS.

- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

- Những khiếu nại về kết quả bầu cử chỉ được xem xét ngay tại Đại hội, cổ đông không được phản đối tính hợp lệ này bất kỳ lúc nào khác. Trường hợp có bất đồng về thủ tục bầu cử hoặc kết quả bầu cử, Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.

IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Quy chế này là cơ sở pháp lý cho trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Ban kiểm soát cho Công ty Cổ phần Habeco - Hải Phòng do Hội đồng quản trị soạn thảo và được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 tổ chức vào ngày 8 tháng 4 năm 2026.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT, KSV;
- Ban tổ chức Đại hội;
- Cổ đông Công ty;
- Lưu VTh.

Phạm Anh Tuấn